TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2020/HNGĐ-ST
Ngày : 20 – 02 – 2020
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Anh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn
2. Ông Nguyễn Văn Giữ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 20 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 69/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh NVP, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ 02, Ấp BL, xã BC, huyện CP, tỉnh An Giang. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị TTD, sinh năm 1990. Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Ấp BL, xã BC, huyện CP, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên hệ: Ấp BT, xã BL, huyện CP, tỉnh An Giang (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 02 năm 2019, nguyên đơn anh P trình bày như sau:

Năm 2009, anh P và chị D quen biết, tìm hiểu nhau, sau đó tiến đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Bình Chánh. Thời gian đầu sống hạnh PHÚC, về sau phát sinh mâu thuẫn do chị D có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, bất đồng quan điểm, thường xuyên gây cãi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Năm 2017, vợ chồng ly thân, không còn chung sống với nhau. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị TTD. Thời gian chung sống chúng tôi có 02 con chung tên NTNY, sinh năm 2010 và NTTV, sinh năm 2008, hiện đang do anh P trực tiếp nuôi. Khi ly hôn, anh P yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Không có; nợ chung: Không có.

- Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho anh P nhưng anh P có đơn xin vắng mặt do phải đi làm ăn xa không thể xin nghỉ việc được và giữ yêu cầu ly hôn với chị D.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nhưng trong đơn xin vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn, yêu cầu tiếp tục nuôi hai con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Không có; về nợ chung: Không có.

- Bị đơn chị D: Đồng ý ly hôn và giao hai con chung cho anh P trực tiếp nuôi. Do anh P không yêu cầu cấp dưỡng nên tôi không cấp dưỡng nuôi hai con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị D sinh sống tại xã Bình Long, huyện Châu Phú, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

+ Anh P và chị D chung sống năm 2009, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, anh P trình bày vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2017 đã ly thân đến nay. Hội đồng xét xử nhận định, trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, chị D thống nhất về thời gian chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn, xác định ly thân từ năm 2107 đến nay, chị D đồng ý ly hôn, vì tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh P và chị D không thể tiếp tục chung sống, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh P.

+ Về con chung: Chị D thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên NTNY, sinh năm 2010 và NTTV, sinh năm 2008, hiện đang do anh P trực tiếp nuôi, chị D không tranh chấp về việc nuôi con, đồng ý giao hai con cho anh P trực tiếp nuôi. Đảm bảo ổn định cuộc sống, quyền lợi của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai con chung cho anh P trực tiếp nuôi, anh P không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh P phải chịu

300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2017/0001109 ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9; Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh NVP được ly hôn với chị TTD.

- Về con chung: Giao hai con chung là NTNY, sinh năm 2010 và NTTV, sinh năm 2008 cho anh P trực tiếp nuôi.

+ Về cấp dưỡng cho con: Anh P không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Anh P cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị D thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn anh NVP phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2017/0001109 ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND.AG;
- VKSND.HCP;
- THA HCP;
- UBND xã Bình Chánh;
- Đương sự (Để thi hành);
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yến Anh